

NHÓM 1

TRƯỜNG CHU VĂN AN VÀ TRƯỜNG MẠC ĐĨNH CHI

Tạ Thị Mai

Vũ Thị Tâm

Trần Thị Giang

Cù Thị Tý

Đỗ Thị Thanh

Lê Thị Kim Vân

Nguyễn Thị Hương

PHÒNG GIÁO DỤC & ĐÀO TẠO CHƯ SÊ

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

TRƯỜNGTHCS CHU VĂN AN

NĂM HỌC: 2022 - 2023

TRƯỜNGTHCS MẠC ĐĨNH CHI

Môn: Ngữ văn 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

MA TRẬN

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc	Truyện cổ tích hay Thơ lục bát	4	0	4	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại một một truyện	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40

		cổ tích mà em yêu thích nhất									
Tổng			20	10	20	10	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			30%		30%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ

TT	Chương/ Chủ đề	Nội dung/ Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện cổ tích, Thơ.	Nhận biết: - Nhận biết được thể loại của văn bản có đoạn trích. - Nhận biết được ngôi kể, người kể và lời kể trong văn tự sự. - Nhận biết được từ loại Thông hiểu: - Hiểu được tác dụng của biện pháp tu từ. - Hiểu được thái độ, tình cảm, tính cách của nhân vật thông qua ngôn ngữ, giọng điệu, lời nói, việc làm,... - Hiểu được tác dụng của việc lựa chọn ngôi kể trong văn tự sự. - Lí giải được cách ứng xử của nhân vật thông qua những việc làm cụ thể.	4 TN (Câu 1,2,3,4)	4 TN (Câu 5, 6, 7, 8)	2 TL (Câu 9,10)	

			- Hiểu được nội dung chủ đề của đoạn trích. Vận dụng: - Trình bày cảm nhận của học sinh về nội dung trong ngữ liệu. - Rút ra bài học gì cho bản thân.				
2	Viết	Kể lại một một truyện cổ tích mà em yêu thích nhất	Nhận biết: Thông hiểu: Vận dụng: Vận dụng cao: Viết được bài văn: Kể lại một một truyện cổ tích mà em yêu thích nhất; dùng người kể truyện ngôi phù hợp chia sẻ và thể hiện cảm xúc trước câu chuyện được kể.	1*	1*	1*	1TL*
Tổng				4 TN	4TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				30%	30%	30%	10%
Tỉ lệ chung				60%		40%	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023

Môn: Ngữ văn 6

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ KIỂM TRA

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

SỰ TÍCH QUẢ DƯA HẦU

Ngày xưa, có một người tên là Mai An Tiêm được vua Hùng yêu mến nhận làm con nuôi. Một lần, vì hiểu lầm lời nói của An Tiêm nên nhà vua nổi giận, đày An Tiêm ra đảo hoang.

Ở đảo hoang, hai vợ chồng An Tiêm dựng nhà bằng tre nứa, lấy cỏ khô phơi tết thành quần áo.

Một hôm, An Tiêm thấy một đàn chim bay qua thả xuống một loại hạt đen nhánh. Chàng bèn nhặt và gieo xuống cát, thăm nghĩ: “Thứ quả này chim ăn được thì người cũng ăn được”. Rồi hạt nảy mầm, mọc ra một loại cây dây bò lan rộng. Cây ra hoa rồi ra quả. Quả có vỏ màu xanh thẫm, ruột đỏ, hạt đen nhánh, có vị ngọt và mát. Vợ chồng An Tiêm đem hạt gieo trồng khắp đảo.

Mùa quả chín, nhớ vua cha, An Tiêm khắc tên mình vào quả, thả xuống biển, nhờ sóng đưa vào đất liền. Một người dân vớt được quả lạ đem dâng vua. Vua hối hận cho đón vợ chồng An Tiêm trở về.

Thứ quả lạ đó là giống dưa hấu ngày nay.

(Theo Nguyễn Đồng Chi – Kho tàng truyện cổ tích Việt Nam)

Lựa chọn một đáp án đúng nhất đạt 0,5 điểm:

Câu 1: Câu truyện trên thuộc thể loại nào?

- A. Truyện cổ tích.
- B. Truyện đồng thoại.
- C. Truyền thuyết.
- D. Thần thoại.

Câu 2. Nêu phương thức biểu đạt chính của văn bản trên?

- A. Miêu tả.
- B. Biểu cảm.
- C. Thuyết minh.
- D. Tự sự.

Câu 3: Câu truyện được kể theo ngôi thứ mấy?

- A. Ngôi thứ nhất.
- B. Ngôi thứ hai.
- C. Ngôi thứ ba.
- D. Hai ngôi kể.

Câu 4: Từ nào sau đây là danh từ?

- A. Mai An Tiêm.
- B. Xanh thẫm.
- C. Gieo xuống.
- D. Thăm nghĩ.

Câu 5. Nhận xét nào sau đây đúng nhất với tính cách của nhân vật Mai An Tiêm?

- A. Mai An Tiêm là người nhân hậu, tốt bụng.

B. Mai An Tiêm là một người hiếu thảo, thông minh và sáng tạo.

C. Mai An Tiêm là người vô tư, trong sáng, hồn nhiên.

D. Mai An Tiêm là người nhút nhát, rụt rè, ít nói.

Câu 6. Việc sử dụng ngôi kể thứ ba trong đoạn trích đem lại hiệu quả gì?

A. Làm câu chuyện thêm phần chân thực, dễ hiểu.

B. Làm cho câu chuyện thêm sinh động, hấp dẫn.

C. Giúp người đọc hiểu được tình cảm của nhân vật.

D. Cách kể linh hoạt, khách quan, thu hút người đọc.

Câu 7. Vì sao Vua cha cho đón vợ chồng Mai An Tiêm trở về?

A. Vì Một người dân vớt được quả lạ đem dâng vua.

B. Vì hối hận.

C. Vì Mai An Tiêm hiếu thảo.

D. Vì hiếu nhâm.

Câu 8. Nội dung chính của truyện trên là gì?

A. Ca ngợi Tình cảm vợ chồng Mai An Tiêm.

B. Ca ngợi về phẩm chất của Mai An Tiêm.

C. Giải thích nguồn gốc quả dưa hấu.

D. Giải thích phong tục của nhân dân.

Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:

Câu 9 (1,0 điểm). Cảm nhận của em về nhân vật Mai An Tiêm (Viết khoảng 50 chữ) trong câu chuyện?

Câu 10 (1,0 điểm). Từ câu chuyện trên, em rút ra được bài học gì cho bản thân?

II. VIẾT (4,0 điểm)

Kể lại một truyện cổ tích mà em yêu thích nhất. (Không kể lại truyện phần ngữ liệu)

.....*HẾT*.....

HƯỚNG DẪN CHẤM VÀ BIỂU ĐIỂM

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6.0
	1	A	0.5
	2	D	0.5
	3	C	0.5
	4	A	0.5
	5	B	0.5
	6	D	0.5
	7	B	0.5
	8	C	0.5
	9	. Gợi ý: - Mai An Tiêm là một người hiếu thảo, thông minh và sáng tạo. - Hiền lành, sông tình cảm và niềm tin vào cuộc sống.	1.0
	10	HS rút ra được thông điệp cho bản thân. Gợi ý - Cần biết vượt qua khó khăn trong cuộc sống, yêu thương, quan tâm giúp đỡ người khác. - Bài học về tình cảm gia đình. - Ngoài ra hs có thể sáng tạo thêm về ý nghĩa, giá trị của văn bản.	1.0
II		VIẾT	4.0
		a. Đảm bảo cấu trúc của bài văn tự sự	0,25

		b. Xác định đúng yêu cầu của đề Kể lại đúng trải nghiệm của bản thân	0,25
		c. Kể lại một truyện cổ tích. HS có thể triển khai theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đảm bảo các yêu cầu sau: - Sử dụng ngôi kể phù hợp. - Giới thiệu câu chuyện. - Kể lại diễn biến câu chuyện: + Trình bày các sự việc theo trình tự rõ ràng, hợp lí. - Kết thúc câu chuyện và cảm xúc của người viết.	2,5
		d. Chính tả, ngữ pháp: Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt	0,5
		e. Sáng tạo: Lời kể sinh động, sáng tạo	0,5

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I
MÔN NGỮ VĂN, LỚP 7

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc	Thơ bốn chữ, năm chữ.	4	0	4	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn(ngữ liệu ngoài SGK)	Nhận biết: – Xác định ngôi kể, phương thức biểu đạt. - Xác định biện pháp tu từ – Nhận biết được đặc điểm nhân vật, cách thể hiện nhân vật. Thông hiểu: - Xác định đề tài câu chuyện - Hiểu được ý nghĩa của chi tiết sự việc truyện.	4 TN	4TN	2TL	

			- Hiểu được ý nghĩa của biện pháp tu từ sử dụng - Vận dụng: – Vận dụng hiểu biết để cảm nhận được ý nghĩa của các câu văn/ chi tiết có trong văn bản. – Vận dụng hiểu biết của bản thân lí giải được vấn đề gợi ra từ chi tiết trong văn bản				
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	Nhận biết: Nhận biết kiểu bài, đối tượng tự sự Thông hiểu: Hiểu được thể nào là nhân vật lịch sử, ý nghĩa của sự việc liên quan đến nhân vật Vận dụng: Tạo lập văn bản tự sự có bố cục ba phần: Vận dụng cao: Viết được bài văn tự sự hấp dẫn, thể hiện sự sáng tạo trên cơ sở sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. Từ đó biết rút ra bài học cho bản thân.	1*	1*	1*	1 TL*
Tổng				4TN	4TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				25%	35%	30%	10%
Tỉ lệ chung				60%		40%	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023

Môn: Ngữ văn 7

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ KIỂM TRA

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

SÓI VÀ VOI

Ngày xưa ngày xưa có một anh Sói lười. Nhà cửa của anh, anh chẳng bao giờ quét dọn, sửa sang. Nó bẩn thỉu, rách nát, chỉ chực sụp xuống.

Một hôm, bác Voi đi qua, chẳng may đụng nhẹ vào làm đổ mái nhà anh Sói.

– Xin lỗi anh bạn! – Bác Voi nói với Sói – Tôi sẽ sửa ngay cho anh.

Bác Voi vốn là người giỏi giang, cái gì cũng biết và không sợ công việc. Bác liền lấy búa, đinh, sửa ngay mái nhà cho Sói. Mái nhà trở nên chắc chắn hơn trước...

– Ô hô! – Anh Sói bụng bảo dạ – Rõ ràng là lão ta sợ mình! Thoạt đầu đã phải xin lỗi, sau đó còn sửa lại cả mái nhà. Mình phải bắt lão ta làm cho mình một cái nhà mới mới được! Lão sợ, ắt phải nghe theo!

– Này, đứng lại! – Sói quát bảo Voi – Lão làm cái thói gì thế? Lão tưởng có thể bỏ đi một cách dễ dàng thế chắc? Làm đổ nhà người ta, đóng qua loa được mấy cái đinh rồi định chuồn à? Biết điều thì đi làm cho ta một cái nhà mới! Bằng không ta sẽ cho một bài học, đừng hòng mong thấy lại bà con thân thích! Nhanh lên!

Nghe Sói nói những lời ấy, bác Voi không nói gì cả. Bác lẳng lặng quắp ngang bụng Sói ném xuống hồ nước bẩn. Rồi về bẹp dí nhà Sói.

– Này, nhà mới này! – Bác Voi nói rồi đi thẳng.

Tỉnh dậy, Sói ngạc nhiên tự hỏi:

– Mình thật không hiểu gì cả! Lúc đầu lão có vẻ sợ mình, đã xin lỗi tử tế, thế mà sau đó lại hành động thế này... Thật không sao hiểu nổi!

Nhìn thấy hết mọi chuyện, bác Quạ già trên cây nói vọng xuống:

– Chú mày ngu lắm! Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt.

Câu chuyện Sói và Voi – Truyện ngụ ngôn cho bé – TheGioiCoTich.Vn –

Lựa chọn một đáp án đúng nhất đạt 0,5 điểm:

Câu 1. Xác định ngôi kể của văn bản trên?

A. Ngôi thứ nhất.

B. Ngôi thứ ba.

C. Cả A và B.

D. Không có ngôi kể.

Câu 2. Ý nào nói đầy đủ nhất phương thức biểu đạt có trong đoạn trích?

A. Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

B. Tự sự, nghị luận, biểu cảm.

C. Tự sự, miêu tả, nghị luận.

D. Miêu tả, nghị luận, thuyết minh.

Câu 3. Tác giả ngụ ngôn đã dùng những tính từ nào để miêu tả ngôi nhà của Sói?

A. Bẩn thiu, rách nát, chỉ chực sụp xuống.

B. Bẩn thiu, rách nát.

C. Sạch sẽ, rách nát.

D. Bẩn thiu, lụp xụp.

Câu 4: Đề tài trong truyện ngụ ngôn trên:

A. Sói và Voi.

B. Các loài động vật.

C. Bài học nhận lỗi và sửa lỗi.

D. Chuyện sửa nhà cho Sói.

Câu 5. Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong câu: *“Lúc đầu lão có vẻ sợ mình, đã xin lỗi tử tế, thế mà sau đó lại hành động thế này... Thật không sao hiểu nổi!”*.

A. Biểu đạt ý còn nhiều sự việc chưa liệt kê hết.

B. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.

C. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.

D. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, ngập ngừng hay ngắt quãng

Câu 6. Khi làm đổ nhà của Sói, bác voi có hành động như thế nào?

A. Không nói gì và lẳng lặng bỏ đi

B. Xin lỗi và bỏ đi

C. Xin lỗi và sửa lại nhà cho sói

D. Không nói gì và lẳng lặng sửa lại nhà cho sói

Câu 7. Truyện ngụ ngôn trên sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Ẩn dụ.

B. Hoán dụ.

C. So sánh.

D. Nhân hoá.

Câu 8. Vì sao đến cuối truyện, Voi lại có hành động “Bác lẳng lặng quắp ngang bụng Sói ném xuống hồ nước bẩn. Rồi dè bẹp dí nhà Sói”?

A. Vì Sói huênh hoang, nghĩ Voi sợ mình nên quất nạt Voi.

B. Vì Voi không muốn sửa nhà cho Sói.

C. Vì Sói không biết nhận lỗi và sửa lỗi.

D. Vì Voi cậy mình khoẻ hơn, bắt nạt Sói.

Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:

Câu 9.(1.0 điểm) Câu nói của bác Quạ: ...“Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt!” đưa đến cho em bài học gì?

Câu 10.(1.0 điểm) Hãy viết một đoạn văn (khoảng 3 - 5 câu) sự cần thiết của việc nhận lỗi và sửa lỗi trong đời sống.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết một bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	C	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	Câu nói của bác Quạ: ...“ Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt!” đưa đến cho em bài học: - Nhận biết được sự khác biệt giữa người có giáo dục tốt và kẻ tiểu nhân: người có giáo dục là người dám nhận lỗi và biết sửa lỗi của mình; còn kẻ tiểu nhân là kẻ thiếu sự can đảm nhận sai, luôn tìm mọi cách đổ lỗi cho người khác. - Khi có lỗi, ta hãy can đảm nhận lỗi và nhận trách nhiệm để sửa chữa những lỗi lầm ấy.	1,0
	10	- Đảm bảo hình thức đoạn văn. - Nội dung cần trình bày một trong các nội dung sau: + Biết nhận lỗi làm cho mối quan hệ giữa con người với con người trở nên tốt đẹp hơn; dung hoà các mối quan hệ, tránh những mâu thuẫn không đáng có + Việc nhận lỗi và sửa chữa chúng sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, hoàn thiện nhân cách đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với bản thân mình. + Người biết nhận lỗi và sửa lỗi là người biết nhìn nhận thực tế, sẽ được người khác nhìn nhận và đánh giá cao....	1,0
II		VIẾT	4,0
		a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự	0,25
		b. Xác định đúng yêu cầu của đề: Một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0,25
		c. Triển khai nội dung bài văn tự sự	

	HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần lựa chọn chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc. Đồng thời, vận dụng tốt kỹ năng kể chuyện có kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết; sau đây là một số gợi ý: - Giới thiệu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Nêu được không gian, thời gian diễn ra sự việc. - Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện - Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật và sự kiện. - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về nhân vật/sự kiện.	
		2,5
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, gợi cảm, sáng tạo.	0,5

TT	Kĩ năng	Nội dung/đơn vị kiến thức	Mức độ nhận thức								Tổng % điểm
			Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng		Vận dụng cao		
			TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	TNKQ	TL	
1	Đọc	Thơ bốn chữ, năm chữ.	4	0	4	0	0	2	0		60
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0	1*	0	1*	0	1*	0	1*	40
Tổng			20	5	20	15	0	30	0	10	100
Tỉ lệ %			25%		35%		30%		10%		
Tỉ lệ chung			60%				40%				

BẢNG ĐẶC TẢ ĐỀ KIỂM TRA CUỐI HỌC KÌ I
MÔN: NGỮ VĂN LỚP 7 - THỜI GIAN LÀM BÀI: 90 PHÚT

TT	Kĩ năng	Nội dung/Đơn vị kiến thức	Mức độ đánh giá	Số câu hỏi theo mức độ nhận thức			
				Nhận biết	Thông hiểu	Vận dụng	Vận dụng cao
1	Đọc hiểu	Truyện ngụ ngôn(ngữ liệu ngoài	Nhận biết: – Xác định ngôi kể, phương thức biểu đạt. - Xác định biện pháp tu từ	4 TN	4TN	2TL	

		SGK)	– Nhận biết được đặc điểm nhân vật, cách thể hiện nhân vật. Thông hiểu: - Xác định đề tài câu chuyện - Hiểu được ý nghĩa của chi tiết sự việc truyện. - Hiểu được ý nghĩa của biện pháp tu từ sử dụng - Vận dụng: – Vận dụng hiểu biết để cảm nhận được ý nghĩa của các câu văn/ chi tiết có trong văn bản. – Vận dụng hiểu biết của bản thân lí giải được vấn đề gợi ra từ chi tiết trong văn bản				
2	Viết	Kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	Nhận biết: Nhận biết kiểu bài, đối tượng tự sự Thông hiểu: Hiểu được thể nào là nhân vật lịch sử, ý nghĩa của sự việc liên quan đến nhân vật Vận dụng: Tạo lập văn bản tự sự có bố cục ba phần: Vận dụng cao: Viết được bài văn tự sự hấp dẫn, thể hiện sự sáng tạo trên cơ sở sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử. Từ đó biết rút ra bài học cho bản thân.	1*	1*	1*	1 TL*
Tổng				4TN	4TN	2 TL	1 TL
Tỉ lệ %				25%	35%	30%	10%
Tỉ lệ chung				60%		40%	

ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I NĂM HỌC 2022 - 2023

Môn: Ngữ văn 7

Thời gian: 90 phút (không kể thời gian phát đề)

ĐỀ KIỂM TRA

I. ĐỌC HIỂU (6.0 điểm)

Đọc ngữ liệu và thực hiện các yêu cầu dưới đây:

SÓI VÀ VOI

Ngày xưa ngày xưa có một anh Sói lười. Nhà cửa của anh, anh chẳng bao giờ quét dọn, sửa sang. Nó bẩn thỉu, rách nát, chỉ chực sụp xuống.

Một hôm, bác Voi đi qua, chẳng may đụng nhẹ vào làm đổ mái nhà anh Sói.

– Xin lỗi anh bạn! – Bác Voi nói với Sói – Tôi sẽ sửa ngay cho anh.

Bác Voi vốn là người giỏi giang, cái gì cũng biết và không sợ công việc. Bác liền lấy búa, đinh, sửa ngay mái nhà cho Sói. Mái nhà trở nên chắc chắn hơn trước...

– Ô hô! – Anh Sói bụng bảo dạ – Rõ ràng là lão ta sợ mình! Thoạt đầu đã phải xin lỗi, sau đó còn sửa lại cả mái nhà. Mình phải bắt lão ta làm cho mình một cái nhà mới mới được! Lão sợ, ắt phải nghe theo!

– Này, đứng lại! – Sói quát bảo Voi – Lão làm cái thói gì thế? Lão tưởng có thể bỏ đi một cách dễ dàng thế chắc? Làm đổ nhà người ta, đóng qua loa được mấy cái đinh rồi định chuồn à? Biết điều thì đi làm cho ta một cái nhà mới! Bằng không ta sẽ cho một bài học, đừng hòng mong thấy lại bà con thân thích! Nhanh lên!

Nghe Sói nói những lời ấy, bác Voi không nói gì cả. Bác lẳng lặng quắp ngang bụng Sói ném xuống hồ nước bẩn. Rồi về bẹp dí nhà Sói.

– Này, nhà mới này! – Bác Voi nói rồi đi thẳng.

Tỉnh dậy, Sói ngạc nhiên tự hỏi:

– Mình thật không hiểu gì cả! Lúc đầu lão có vẻ sợ mình, đã xin lỗi tử tế, thế mà sau đó lại hành động thế này... Thật không sao hiểu nổi!

Nhìn thấy hết mọi chuyện, bác Quạ già trên cây nói vọng xuống:

– Chú mày ngu lắm! Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt.

Câu chuyện Sói và Voi – Truyện ngụ ngôn cho bé – TheGioiCoTich.Vn –

Lựa chọn một đáp án đúng nhất đạt 0,5 điểm:

Câu 1. Xác định ngôi kể của văn bản trên?

A. Ngôi thứ nhất.

B. Ngôi thứ ba.

C. Cả A và B.

D. Không có ngôi kể.

Câu 2. Ý nào nói đầy đủ nhất phương thức biểu đạt có trong đoạn trích?

A. Tự sự, miêu tả, biểu cảm.

B. Tự sự, nghị luận, biểu cảm.

C. Tự sự, miêu tả, nghị luận.

D. Miêu tả, nghị luận, thuyết minh.

Câu 3. Tác giả ngụ ngôn đã dùng những tính từ nào để miêu tả ngôi nhà của Sói?

A. Bẩn thỉu, rách nát, chỉ chực sụp xuống.

B. Bẩn thỉu, rách nát.

C. Sạch sẽ, rách nát.

D. Bẩn thỉu, lụp xụp.

Câu 4: Đề tài trong truyện ngụ ngôn trên:

A. Sói và Voi.

B. Các loài động vật.

C. Bài học nhận lỗi và sửa lỗi.

D. Chuyện sửa nhà cho Sói.

Câu 5. Nêu công dụng của dấu chấm lửng trong câu: *“Lúc đầu lão có vẻ sợ mình, đã xin lỗi tử tế, thế mà sau đó lại hành động thế này... Thật không sao hiểu nổi!”*.

A. Biểu đạt ý còn nhiều sự việc chưa liệt kê hết.

B. Mô phỏng âm thanh kéo dài, ngắt quãng.

C. Biểu thị lời trích dẫn bị lược bớt.

D. Thể hiện chỗ lời nói bỏ dở, ngập ngừng hay ngắt quãng

Câu 6. Khi làm đổ nhà của Sói, bác voi có hành động như thế nào?

A. Không nói gì và lẳng lặng bỏ đi

B. Xin lỗi và bỏ đi

C. Xin lỗi và sửa lại nhà cho sói

D. Không nói gì và lẳng lặng sửa lại nhà cho sói.

Câu 7. Truyện ngụ ngôn trên sử dụng biện pháp tu từ nào?

A. Ẩn dụ.

B. Hoán dụ.

C. So sánh.

D. Nhân hoá.

Câu 8. Vì sao đến cuối truyện, Voi lại có hành động “Bác lẳng lẳng quắp ngang bụng Sói ném xuống hố nước bẩn. Rồi dè bẹp dí nhà Sói”?

A. Vì Sói huênh hoang, nghĩ Voi sợ mình nên quát nạt Voi.

B. Vì Voi không muốn sửa nhà cho Sói.

C. Vì Sói không biết nhận lỗi và sửa lỗi.

D. Vì Voi cậy mình khoẻ hơn, bắt nạt Sói.

Trả lời câu hỏi/Thực hiện yêu cầu:

Câu 9.(1.0 điểm) Câu nói của bác Quạ: ...“ Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt!” đưa đến cho em bài học gì?

Câu 10.(1.0 điểm) Hãy viết một đoạn văn (khoảng 3 - 5 câu) sự cần thiết của việc nhận lỗi và sửa lỗi trong đời sống.

II. VIẾT (4.0 điểm)

Em hãy viết một bài văn kể lại sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.

----- Hết -----

HƯỚNG DẪN CHẤM ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KÌ I

Môn: Ngữ văn lớp 7

Phần	Câu	Nội dung	Điểm
I		ĐỌC HIỂU	6,0
	1	B	0,5
	2	A	0,5
	3	B	0,5
	4	C	0,5
	5	D	0,5
	6	C	0,5
	7	D	0,5
	8	A	0,5
	9	Câu nói của bác Quạ: ...“ Chú mày đã không hiểu sự khác nhau giữa người hèn nhát và người được giáo dục tốt!” đưa đến cho em bài học: - Nhận biết được sự khác biệt giữa người có giáo dục tốt và kẻ tiểu nhân: người có giáo dục là người dám nhận lỗi và biết sửa lỗi của mình; còn kẻ tiểu nhân là kẻ thiếu sự can đảm nhận sai, luôn tìm mọi cách đổ lỗi cho người khác. - Khi có lỗi, ta hãy can đảm nhận lỗi và nhận trách nhiệm để sửa chữa những lỗi lầm ấy.	1,0
	10	- Đảm bảo hình thức đoạn văn. - Nội dung cần trình bày một trong các nội dung sau: + Biết nhận lỗi làm cho mối quan hệ giữa con người với con người trở nên tốt đẹp hơn; dung hoà các mối quan hệ, tránh những mâu thuẫn không đáng có + Việc nhận lỗi và sửa chữa chúng sẽ khiến bản thân ta tốt lên từng ngày, hoàn thiện nhân cách đồng thời lấy lại niềm tin của người khác đối với bản thân mình. + Người biết nhận lỗi và sửa lỗi là người biết nhìn nhận thực tế, sẽ được người khác nhìn nhận và đánh giá cao....	1,0
II		VIẾT	4,0
		<i>a. Đảm bảo cấu trúc bài văn tự sự</i>	0,25
		<i>b. Xác định đúng yêu cầu của đề:</i> Một sự việc có thật liên quan đến nhân vật hoặc sự kiện lịch sử.	0,25
		<i>c. Triển khai nội dung bài văn tự sự</i> HS triển khai vấn đề theo nhiều cách, nhưng cần lựa chọn chi tiết, thông tin chọn lọc, tin cậy về sự việc. Đồng thời, vận dụng tốt kĩ năng kể chuyện có kết hợp yếu tố miêu tả, biểu cảm trong bài viết; sau đây là một số gợi ý:	
		- Giới thiệu được sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Nêu được không gian, thời gian diễn ra sự việc.	2,5

	- Gợi lại bối cảnh câu chuyện, dấu tích liên quan đến nhân vật/sự kiện - Thuật lại nội dung/diễn biến của sự việc có thật liên quan đến nhân vật/sự kiện lịch sử. - Ý nghĩa, tác động của sự việc đối với đời sống hoặc đối với nhận thức về nhân vật và sự kiện. - Khẳng định ý nghĩa của sự việc hoặc nêu cảm nhận của người viết về nhân vật/sự kiện.	
	<i>d. Chính tả, ngữ pháp</i> Đảm bảo chuẩn chính tả, ngữ pháp Tiếng Việt.	0,5
	<i>e. Sáng tạo:</i> Bố cục mạch lạc, lời văn sinh động, gợi cảm, sáng tạo.	0,5